TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2019
V/v tranh chấp L hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Ngọc Ba

2. Ông Thạch Thế Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Thiện Khiêm – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long*** *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018, về việc *"Tranh chấp L hôn, con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thảo L, sinh năm 1989 "có mặt"
2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn B , sinh năm 1985 "có mặt"

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Thảo L trình bày: Chị và bị đơn anh Đoàn Văn B kết hôn vào ngày 14 tháng 7 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh B thường xuyên nhậu về gây chuyện, không đưa rước con đi học và đánh chị nên vợ chồng có cự cãi nhau và chị đã về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp T, xã T, huyện K, tỉnh Vĩnh Long từ tháng 10 năm 2018. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Đoàn Ngọc N, sinh ngày 23/6/2009 và Đoàn Tấn T, sinh ngày 10/01/2016 hiện đang sống với chị.

Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị xét thấy tình cảm không còn yêu cầu L hôn với anh B, con chung chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đồng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

- Tại bản tự khai (không đề ngày) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đoàn Văn B trình bày: Anh không có yêu cầu phản tố. Anh thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và con chung. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng 02 năm nay sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh thường đi nhậu, không đưa rước con đi học và đánh vợ nên vợ chồng có thường cự cãi nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây anh đã sửa đổi để lo cho vợ con. Anh thừa nhận anh đã thấy được sai trái của mình và anh sẽ hứa khắc phục trong thời gian tới. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ. Về con chung nếu ly hôn anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng với lý do thu nhập của anh mỗi tháng 1.200.000đồng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị Thảo L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn B, địa chỉ ấp Q, xã B, huyện R, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D. Do đó, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị Thảo L và anh Đoàn Văn B kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 7 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện J, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số: 69 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường xuyên nhậu về gây chuyện và đánh có lần đánh chị L nên vợ chồng cự cãi nhau và chị L đã về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp T, xã H, huyện S, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian từ khi Tòa án hòa giải về anh B vẫn không sửa đổi là nhậu về qua chuỗi phía gia đình bên chị L. Anh B cũng thừa nhận sự việc mâu thuẫn là có. Từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu L hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh B có 02 con chung Đoàn Ngọc N, sinh ngày 23/6/2009 và Đoàn Tấn T, sinh ngày 10/01/2016 hiện chị L đang nuôi dưỡng, cháu N có nguyện vọng sống với chị L và cháu T còn dưới 36 tháng tuổi

nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị L nuôi, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp các Điều Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi mỗi người con 700.000đồng/tháng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là không cao và cần thiết cho nhu cầu thiết yếu của hai con nên chấp nhận là phù hợp với Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đồng và anh B phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Thảo L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị Thảo L và anh Đoàn Văn B.

2. Về nuôi con chung**:** Giao hai con chung Đoàn Ngọc N, sinh ngày 23/6/2009 và Đoàn Tấn T, sinh ngày 10/01/2016 cho chị Đặng Thị Thảo L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đoàn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con 700.000đ/tháng (bảy trăm ngàn đồng) đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2019).

Anh Đoàn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh B không cấp dưỡng nuôi con thì anh B phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Đặng Thị Thảo L nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí L hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) chị L đã nộp theo lai thu số 0014973 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc anh Đoàn Văn B nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện R;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Uỷ ban nhân dân xã N,
(Giấy kết hôn số: 69, ngày 14/7/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.